



ĐI ĐƯỜNG TỈNH 520

ĐI TRUNG TÂM THỊ TRẤN

ĐI BẾN EN

ĐI KHU DÂN CƯ



ĐI XÃ YÊN THO

UBND HUYỆN NHƯ THANH

PHÒNG KINH TẾ HẠ TẦNG HUYỆN NHƯ THANH

PHÒNG TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
HUYỆN NHƯ THANH

DỰ ÁN:

DỰ ÁN: XÂY DỰNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT MẶT BẰNG DỰ ÁN KHU
DÂN CƯ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ KHU PHỐ ĐỒNG MƯỜI, THỊ TRẤN BẾN SUNG
HUYỆN NHƯ THANH (GIAI ĐOẠN 01)

**BẢNG TOẠ ĐỘ MỐC GIỚI THỰC HIỆN
GIAI ĐOẠN 1**

tên mốc	tọa độ	
	X	Y
M3	2170792,1	560816,49
M4	2170777,42	560838,49
M5	2170580,99	560631,70
M6	2170427,16	560537,73
M7	2170350,05	560482,66
M8	2170368,09	560407,52
M9	2170473,89	560316,36
M9A	2170510,676	560302,072
M9B	2170532,675	560350,484
M9C	2170557,812	560362,874
M9D	2170558,777	560521,976
M9E	2170592,791	560549,756
M9F	2170640,399	560503,783
M13	2170659,594	560502,53
M14	2170736,392	560502,13
M14A	2170752,267	560503,163
M14B	2170617,590	560517,330
M14C	2170756,897	560520,288
M14D	2170752,309	560594,658
M14E	2170755,120	560595,378
M14F	2170779,696	560518,400
M14G	2170804,497	560619,980

BẢNG THỐNG KÊ TOA ĐỘ MỐC RANH GIỚI

STT	MÔC	TOA ĐỘ	
		X	Y
1	M1	560507,11	2170810,6
2	M2	560527,76	2170810,31
3	M3	560816,49	2170792,1
4	M4	560838,49	2170774,2
5	M5	560631,7	2170520,99
6	M6	560537,73	2170427,16
7	M7	560429,62	2170350,05
8	M8	560407,52	2170368,09
9	M9	560316,36	2170479,36
10	M10	560276,57	2170618,55
11	M11	560275,45	2170653,51
12	M12	560497,56	2170654,52
13	M13	560502,53	2170659,54
14	M14	560502,13	2170736,92